| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 146/2019/DS-ST
Ngày: 18-10-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Ngô Thùy Trang

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền

2. Ông Bùi Văn Sơn

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Mỹ Phương– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2019/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 166/2019/QĐXX-DS ngày 10 tháng 9 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1969 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 19, ấp Hòa L 2, TT An Ch, huyện Châu Th, tỉnh An Giang

*Bị đơn*: Bà Hồ Thị H, sinh năm 1964 (Có mặt)

Ông Lưu Quốc D, sinh năm 1985

Nơi cư trú: Nơi cư trú: Khóm Xuân H, TT Tịnh B, huyện Tịnh B, tỉnh An Giang

Tạm trú: Tổ 18, ấp Bình An 1, xã An H, huyện Châu Th, tỉnh An Giang

(Ông D vắng mặt tại phiên tòa)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai, quá trình tố tụng nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Vào ngày 12/4/2018 ông với bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc Dcó xác lập hợp đồng vay tài sản số tiền là 1.450.000.000đ (Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng)

mục đích đáo hạn ngân hàng. Khi vay có làm biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 12/4/2018, không thỏa thuận thời gian trả và lãi suất. Nhưng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 2%/01 tháng, thời gian trả nợ là sau 03 ngày sẽ trả nợ. Khi bà H, ông D vay được Ngân hàng sẽ tất toán cho ông số tiền vốn lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 18/4/2018 thì bà H, ông Dcó trả cho ông được số tiền vốn là 1.150.000.000đ(Một tỷ,một trăm năm mươi triệu đồng), không trả tiền lãi suất cho ông.

Nay ông yêu cầu bà H và ông D có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền vốn còn lại là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) và lãi suất 1%/01 tháng từ ngày vay là ngày 12/4/2018 đến ngày Tòa án xét xử đối với số tiền vốn 300.000.000đ000đ (Ba trăm triệu đồng)

* Trong quá trình tố tụng và tại tờ tường trình ngày 15/02/2019 bà Hồ Thị H trình bày:

Bà xác nhận là có hỏi vay của ông T số tiền 1.450.000.000đ(Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng),mục đích đáo hạn Ngân hàng. Khi vay, bà có ký biên nhận nợ với ông T, chữ ký và chữ ghi họ tên trong tờ biên nhận ngày 12/4/2018 do bà ký và viết họ tên. Hai bên không thỏa thuận lãi suất và thời gian trả nợ trong biên nhận,nhưng có thỏa thuận miệng lãi suất một ngày số tiền là 14.500.000đ (Mười bốn triệu, năm trăm ngàn đồng); Thời gian trả nợ khi nào bà đáo hạn được Ngân hàng sẽ tất toán với ông T. Sau khi ông T giao tiền cho bà số tiền trên, bà có giao cho ông T số lãi là 30.000.000đ( Ba mươi triệu đồng). Phần còn lại bà mang đến Ngân hàng nông nghiệp trả nợ để làm hồ sơ đáo hạn có tiền trả lại cho ông T. Đến ngày 18/4/2018 Ngân hàng cho bà vay được số tiền vốn là 1.350.000.000đ(Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng), bà cùng con là Lưu Quốc D liên hệ ông T để trả số tiền trên chứ không phải trả số tiền vốn là 1.150.000.000đ (Một tỷ,một trăm năm mươi triệu đồng) như ông T trình bày. Khi trả tiền cho ông T, bà yêu cầu ông T trả lại cho bà biên nhận nợ, nhưng ông T nói không mang theo, nên hẹn bà chiều đến nhà ông T nhận lại.

Sau đó, bà nhiều lần kêu cầu ông T trả biên nhận nợ, nhưng ông T cứ hứa hẹn. Nay ông T khởi kiện yêu cầu bà cùng con là Lưu Quốc Dphải trả cho ông T số tiền vốn 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) là không đúng. Vì bà đã trả được cho ông T số tiền vốn là 1.350.000.000đ(Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng) chỉ còn nợ lại số tiền vốn là 100.000.000đ( Một trăm triệu đồng)

Khi trả nợ cho ông T thì bà trả tại quán cà phê, chỉ có Lưu Quốc D là con bà đi cùng bà đến nàh ông T trả số tiền vốn trên và cũng không ai biết sự việc này. Số tiền này do bà hỏi vay của ông T; Lưu Quốc Dkhông liên quan trong vụ án này. Bà đồng ý đứng ra trả số nợ vốn còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) cho ông T. Đồng thời, đồng ý trả lãi theo quy định pháp luật với số tiền 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng)

Bị đơn ông Lưu Quốc D trình bày tại biên bản hòa giải và biên bản lấy lời khai cùng ngày 23/4/2019: Ông thống nhất lời trình bày của bà H mẹ ruột ông. Ông xác nhận ngày 12/4/2018 giữa bà H mẹ ruột ông với ông T có vay tiền số tiền vốn là

1.450.000.000đ(Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng), khi ông T giao số tiền này thì mẹ ông trả ngay cho ông T tiền lãi suất trước là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Ông cùng mẹ là bà H có ký tên và ghi họ tên tại biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 12/4/2018. Nội dung biên nhận không thỏa thuận thời gian trả và lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng với nhau. Mục đích vay tiền để mẹ ông đáo hạn ngân hàng; Thông thường sau vài ngày khi ngân hàng giải ngân thì sẽ trả nợ cho ông T. Thời gian vay là 12/4/2018 đến ngày 18/4/2018, mẹ ông cùng ông hẹn gặp ông T để trả số tiền vốn là 1.350.000.000đ ((Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng) tại quán cà phê. Ông T trình bày chỉ trả cho ông T số tiền vốn là 1.150.000.000đ (Một tỷ,một trăm năm mươi triệu đồng) là không đúng sự thật. Sự việc trả tiền không ai biết; Riêng số tiền 30.000.000đ tiền lãi bà H trả cho ông T cũng không ai có chứng kiến sự việc này. Ông không có ý kiến đối với số tiền này

Trước yêu cầu khởi kiện của ông T, ông không đồng ý liên đới trách nhiệm để cùng mẹ là bà H trả nợ. Vì số tiền nợ vốn còn lại 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng) là bà H nợ ông T, ông chỉ là người chứng kiến trong vụ án này

* Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể: rút lại yêu cầu khởi kiện về lãi suất, chỉ yêu cầu bà H, ông có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Số tiền lãi suất bà H và ông Dtrình bày có trả cho ông số tiền lãi suất ngay sau khi nhận tiền của ông với số tiền lãi suất là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ông không thừa nhận. Khi giao tiền thì ông giao cho ông Dvà bà H, Dvà bà H cùng kiểm tra tiền. Cả hai cùng hỏi vay tiền nên ông cho vay. Tại biên nhận nợ ngày 18/4/2018 đều thể hiện có chữ ký và chữ ký tên của ông Dũng, bà H ngay bên người vay tiền.

- Bị đơn ông Dvắng mặt tại phiên tòa

-Bị đơn bà Hồ Thị H trình bày: Bà xác nhận có hỏi vay ông T số tiền vốn là 1.450.000.000đ(Một tỷ, bốn trăm năm mươi triệu đồng) nhưng đã trả cho ông được số tiền là 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng).Khi vay tiền và trả tiền cho ông T có Dlà con ruột bà đi cùng. Ngoài ra, không ai chứng kiến và cũng không ai biết sự việc này. Hiện chỉ còn nợ ông T số tiền vốn là 100.000.000đ(Một trăm triệu đồng), bà đồng ý trả số tiền vốn 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng). Xin không tính lãi suất, do bà đang khó khăn. Sự thật Lưu Quốc Dcon trai bà, chỉ là người chứng kiến sự việc vay tiền, vay tiền giữa bà với ông T. Lưu Quốc Dkhông vay tiền của ông T, do đó loại trách nhiệm Dtrong vụ án này. Riêng số tiền lãi suất 30.000.000đ(Ba mươi triệu đồng) bà đã đóng lãi suất cho ông Tam ngay sau khi nhận tiền, bà không có yêu cầu đối với số tiền này

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

+ Về nội dung vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đề nghị hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận một phần yêu

cầu khởi của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về lãi suất. Đồng thời buộc trách nhiệm liên đới bà H, ông Dphải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền vốn vay còn lại là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

*1.1 Về quan hệ tranh chấp:* Xét về hình thức giao dịch dân sự giữa ông Nguyễn Thành T với bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc D là hợp đồng vay tài sản quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015.

*1.2 Về thẩm quyền giải quyết:* Ông T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ sổ tạm trú số 010038897 thể hiện bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc Dhiện có đăng ký tạm trú tại tổ 18, ấp Bình An 1,xã An Hòa,huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

*1.3 Về sự có mặt của đương sự:* Các thủ tục tố tụng của Tòa án đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Dđến Tòa án để tham gia phiên toà xét xử vụ án nhưng bị đơn ông Dvắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Dũng

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

Giữa ông Nguyễn Thành T với ông Lưu Quốc D, bà Hồ Thị H có xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và chứng cứ kèm theo yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 12/4/2018. Đồng thời phía bị đơn bà H, ông Dxác nhận có hỏi vay tiền của ông T. Chữ ký và chữ viết trong tờ biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 12/4/2018 là do ông Dũng, bà H ký tên và ghi họ tên. Nội dung biên nhận nợ không thỏa thuận thời gian trả nợ và lãi suất, nhưng các bên đương sự có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất và thời gian trả nợ là sau khi đáo hạn được ngân hàng. Đến ngày 12/4/2018 đến bà H cùng con là ông D đã trả cho ông T số tiền vốn là 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng) tại quán cà phê không phải trả số tiền vốn là 1.150.000.000đ (Một tỷ,một trăm năm mươi triệu đồng) như ông T trình bày. Ông Dũng, bà H dựa vào sự tin tưởng nhau, nên không yêu cầu ông T viết biên nhận đã nhận số tiền vốn 350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Lời trình bày đồng bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận, nguyên đơn xác nhận đồng bị đơn chỉ trả được số tiền vốn là 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng), không nhận khoản tiền lãi nào từ bị đơn. Do đó, nguyên đơn yêu cầu đồng bị đơn là

ông D, bà H có trách nhiệm liên đới trả số tiền vốn còn nợ là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Rút lại yêu cầu khởi kiện về lãi suất.

Trong quá trình tố tụng Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ như: Thông báo đối chất giữa các đương sự với nhau để làm rõ số tiền còn nợ cụ thể tại biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 12/4/2018. Thông báo đối chất vào các ngày 16/5/2019; ngày 09/8/2019 và quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ ngày 26/4/2019. Tuy nhiên, ông D và bà H không tham gia đối chất theo thông báo của Tòa án. Đồng thời, đồng bị đơn có văn bản (tờ tường trình) ngày 13/5/2019, ngày 08/8/2019 đều thể hiện ý kiến không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả cho ông T số tiền vốn là 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Việc trả số tiền vốn 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng), không có ai chứng kiến,cũng không làm giấy tờ gì chứng minh cho việc trả số tiền vốn trên. Lời trình bày của ông D, bà H không được ông T thừa nhận, ông T chỉ xác nhận có nhận số tiền vốn từ ông Dũng, bà H số tiền là 1.350.000.000đ (Một tỷ, ba trăm năm mươi triệu đồng). Ngoài những lời khai nại trên, ông Dũng, bà H cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình. Do đó, đối với lời trình bày của ông Dũng, bà H không có cơ sở để HĐXX không xem xét.

Đối với lời trình bày của bị đơn ông Lưu Quốc D cho rằng: Ông chỉ đi cùng mẹ là bà H đến nhà ông T để nhận số tiền vay theo biên nhận nợ ngày 12/4/2018, ông không hỏi vay tiền ông T, chỉ ký tên với mục đích chứng kiến việc giao nhận tiền giữa ông T với bà H. Ông không đồng ý liên đới trách nhiệm cùng bà H trả nợ cho ông T. Bà H cũng có ý kiến, ông Dkhông liên quan chỉ là người chứng kiến việc giao nhận tiền giữa bà với ông T. Lời trình bày này cũng không được ông T thừa nhận. Phía bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình có căn cứ. Ngoài ra, tại biên nhận kiêm thỏa thuận vay vốn ngày 12/4/2018 thể hiện: "*Ngay tại thời điểm ký kết xong hợp đồng này, bên B ( bên vay tiền) cũng nhận đủ số tiền vay*; *Đến hạn trả nợ cuối cùng nếu bên B không hoàn tất việc trả nợ cho bên A (Bên cho vay)…; Các bên xem kỹ và thống nhất mọi chi tiết trong biên nhận….và đồng ý ký tên".* Ông D đã ký tên và ghi họ tên ông tại bên vay tiền( Bên B). Từ những nội dung trên,điều này, thể hiện ông Dkhông phải là người chứng kiến trong giao dịch dân sự giữa bà H với ông T như lời trình bày của ông D và bà H. Do đó, không có căn cứ để HĐXX xem xét.

Hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, ông D, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay; Nên phải có nghĩa vụ trả vốn, lãi theo quy định tại Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, ông T rút lại yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi suất, việc rút lại yêu cầu này phù hợp với quy định tại Điều 5 của BLTTDS nên được HĐXX xem xét theo quy định tại Điều 244, Điều 217 BLTTDS 2015 đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện về lãi suất

Từ những phân tích và nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó bà H , ông D phải có trách nhiệm lien đới trả cho ông T số tiền vốn vay 300.000.000đ(Ba trăm triệu đồng)

*[3] Về án phí sơ thẩm:* Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp được quy định tại Điều144 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

- Đồng bị đơn phải chịu án phí đối với khoản tiền phải thanh toán cho nguyên đơn là 300.000.000đ x 5% = 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) được quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015

*[4] Quyền kháng cáo:* Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 217, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

- Điều 288, 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

**Xử:**

*1.* Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T đối với bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc D

Buộc bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc Dcó nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Thành T số tiền vốn vay là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thành T đối với yêu cầu tính lãi suất chậm trả

*2. Về án phí sơ thẩm:*

- Ông Nguyễn Thành T được nhận lại tổng số tiền 7.500.000đ (Bảy triệu năm trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013936 ngày 16/01/2019 và biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014205 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc D có nghĩa vụ liên đới chịu số tiền 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

*3 Quyền kháng cáo:* Ông Nguyễn Thành T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/10/2019); Riêng bà Hồ Thị H, ông Lưu Quốc D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 tính từ ngày nhận được bản án hoặc được bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*4. Về nghĩa vụ thi hành án:* Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với trường hợp khoản tiền phải thu nộp vào ngân sách Nhà nước mà pháp luật có quy định nghĩa vụ trả lãi; hoặc khoản tiền bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng; hoặc trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ về tài sản trong hoặc ngoài hợp đồng khác mà các bên không thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

( Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án dân sự )

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Ngô Thùy Trang**